

**HIỆP ĐỊNH GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ**

VÀ

**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẦN NHAU**

Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đây gọi là “các Bên ký kết”,

Mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế giữa hai Bên ký kết, cụ thể là đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

Thừa nhận rằng việc dành sự đối xử theo hiệp định này cho đầu tư sẽ khuyến khích dòng vốn, công nghệ và phát triển kinh tế giữa hai Bên ký kết;

Thừa nhận rằng khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường thịnh vượng ở cả hai Bên ký kết; và

Tin rằng các mục đích trên có thể đạt được mà không cần nói lỏng các biện pháp về sức khỏe, an toàn và môi trường được áp dụng chung,

Hai bên đã đi tới ký kết hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau,

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của hiệp định này:

1. Thuật ngữ “đầu tư” nghĩa là mọi loại tài sản do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia đầu tư liên quan tới hoạt động kinh doanh, nhằm thiết lập mối quan hệ kinh tế lâu dài trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của nước đó, cụ thể nhưng không chỉ bao gồm:

a) Động sản và bất động sản cũng như các quyền tài sản khác như thế chấp, cầm cố và các quyền tương tự khác phù hợp với pháp luật của Bên ký kết nơi có tài sản,

b) Lợi nhuận tái đầu tư, quyền đòi tiền và các quyền khác có giá trị kinh tế liên quan tới việc đầu tư,

c) Cổ phần, cổ phiếu hay bất cứ hình thức tham gia vào công ty nào khác,

d) Quyền sở hữu công nghiệp và quyền sở hữu trí tuệ như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, quy trình kỹ thuật cũng như nhãn hiệu hàng hóa, uy tín thương mại, bí quyết kinh doanh, và các quyền tương tự,

e) Nhượng quyền kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm nhượng quyền liên quan tới tài nguyên thiên nhiên,

với điều kiện khoản đầu tư đó không có bản chất là mua lại dưới 10 phần trăm cổ phiếu hoặc quyền bỏ phiếu của công ty trên thị trường chứng khoán mà những khoản đầu tư có bản chất đó sẽ không được điều chỉnh bởi Hiệp định này.

Bất cứ thay đổi nào về hình thức khi tài sản hay quyền tài sản được đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến đặc tính của đầu tư với điều kiện sự thay đổi đó phù hợp với pháp luật của Bên ký kết nơi tiếp nhận đầu tư.

2. Thuật ngữ “nhà đầu tư” nghĩa là:

a) Thể nhân là công dân của một Bên ký kết theo pháp luật của Bên ký kết đó;

b) Công ty, hãng, công ty hợp danh được thành lập và hoạt động theo pháp luật hiện hành của một Bên ký kết và có trụ sở đăng ký và các hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lãnh thổ một Bên ký kết,

mà đã tiến hành đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

3. Thuật ngữ “thu nhập” có nghĩa là số tiền thu được từ đầu tư, cụ thể nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lãi tiền vay, thu nhập từ vốn, tiền bản quyền, phí và cổ tức.

4. Thuật ngữ “lãnh thổ” nghĩa là:

a) Đối với nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, là lãnh thổ đất liền, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó cũng như các vùng biển mà Thổ Nhĩ Kỳ có quyền chủ quyền và quyền tài phán trong việc thăm dò, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên sinh vật hoặc phi sinh vật phù hợp với luật pháp quốc tế.

b) Đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lãnh thổ đất liền, đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó cũng như các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà Việt Nam có quyền tài phán hoặc quyền chủ quyền hoặc chủ quyền trong việc thăm dò, khai thác hoặc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với luật pháp trong nước và luật pháp quốc tế.

5. Thuật ngữ “đồng tiền chuyên đổi tự do” có nghĩa là đồng tiền được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế và được trao đổi rộng rãi trong các thị trường hối đoái chính.

ĐIỀU 2

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Theo quy định của pháp luật của nước mình, mỗi Bên ký kết sẽ, trong khả năng có thể khuyến khích các nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ của nước mình.

2. Đầu tư của nhà đầu tư mỗi Bên ký kết phải được đối xử công bằng và bình đẳng và được bảo hộ đầy đủ trong lãnh thổ của Bên ký kết kia. Các Bên ký kết không được sử dụng các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử để gây phương hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng, mở rộng hoặc định đoạt các khoản đầu tư đó.

ĐIỀU 3

ĐỐI XỬ VỚI ĐẦU TƯ

1. Theo quy định của pháp luật của nước mình, mỗi Bên ký kết sẽ tiếp nhận các khoản đầu tư trên lãnh thổ nước mình trên cơ sở không kém thuận lợi hơn so với đầu tư của nhà đầu tư của bất cứ nước thứ ba nào trong những điều kiện tương tự.

2. Theo quy định của pháp luật nước mình, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một khi đã thành lập, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư nước mình trong những điều kiện tương tự.

3. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một khi đã thành lập, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào trong những điều kiện tương tự.

4. Các Bên ký kết trong khuôn khổ của pháp luật quốc gia mình sẽ cân nhắc một cách tích cực hồ sơ đề nghị cho phép nhập cảnh và tạm trú của cá nhân của một Bên ký kết vào lãnh thổ của Bên ký kết kia để tiến hành đầu tư; điều tương tự sẽ được áp dụng cho công dân của một Bên ký kết muốn nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên ký kết kia và cư trú tại đó để làm việc liên quan tới hoạt động đầu tư. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động sẽ được cân nhắc tích cực.

5. a) Các quy định tại Điều này sẽ không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào mà Bên ký kết ban đầu có thể dành cho theo bất kỳ hiệp định hoặc thỏa thuận quốc tế nào liên quan toàn bộ hoặc phần lớn tới thuế.

b) Các quy định về không phân biệt đối xử, đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc của Hiệp định này sẽ không được áp dụng cho ưu đãi hiện tại hoặc tương lai mà một Bên ký kết, vì tư cách thành viên của mình trong liên minh thuế quan, liên minh kinh tế và liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực thương mại tự do, dành cho công dân hoặc công ty của mình, của một quốc gia thành viên của liên minh, thị trường chung hoặc khu thương mại tự do trên hay bất cứ nước thứ ba nào khác.

c) Để rõ ràng hơn, các nghĩa vụ tại điều này không bao gồm yêu cầu một Bên ký kết dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia thủ tục giải quyết tranh chấp ngoài các thủ tục được quy định trong Hiệp định này.

d) Các quy định tại Điều 2 và 3 của Hiệp định này không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử mà nước đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư nước mình trong lĩnh vực mua bán đất đai và bất động sản, và quyền liên quan tới bất động sản.

ĐIỀU 4

QUYỀN QUY ĐỊNH

1. Hiệp định này không được hiểu là ngăn cản một Bên ký kết ban hành, duy trì, và thi hành bất cứ biện pháp không phân biệt đối xử nào:

a) tạo ra và áp dụng để bảo vệ cuộc sống con người, động vật hoặc thực vật hoặc sức khỏe hoặc môi trường;

b) liên quan tới việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo được, bất kể là sinh vật hay phi sinh vật;

c) áp dụng nhằm mục đích bảo vệ bảo vật quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ.

2. Hiệp định này không được hiểu là:

a) bắt buộc một Bên ký kết cung cấp hoặc cho phép tiếp cận bất cứ thông tin nào mà Bên ký kết đó cho rằng việc tiết lộ thông tin đó sẽ đi ngược lại lợi ích an ninh thiết yếu của Bên đó;

b) ngăn cản một Bên ký kết thực hiện bất cứ hành động nào mà Bên đó cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình

i) liên quan tới buôn lậu vũ khí, đạn dược và công cụ chiến tranh và liên quan đến buôn lậu và các giao dịch về hàng hóa, vật liệu, dịch vụ và công nghệ khác được tiến hành trực tiếp hoặc gián tiếp với mục đích cung cấp cho quân đội hoặc các cơ sở an ninh khác,

ii) tiến hành trong thời gian chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế,

iii) nhằm mục đích bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu công cộng, bao gồm cơ sở hạ tầng về thông tin liên lạc, điện và nước, khỏi các hành vi cố ý nhằm phá hủy các công trình này;

hoặc

iv) liên quan đến việc thực hiện chính sách quốc gia hoặc các hiệp định quốc tế về không phổ biến vũ khí hạt nhân hoặc các thiết bị nổ hạt nhân khác;

c) ngăn cản một Bên ký kết thực hiện các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc về gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế.

ĐIỀU 5

TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU VÀ BỒI THƯỜNG

1. Đầu tư sẽ không bị tước quyền sở hữu, quốc hữu hóa, hoặc bị áp dụng, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, các biện pháp có tác động tương tự (dưới đây gọi là tước quyền sở hữu) trừ trường hợp vì mục đích công cộng theo các biện pháp không phân biệt đối xử, và phải bồi thường nhanh chóng, thoả đáng và có hiệu quả được theo đúng thủ tục pháp luật và các nguyên tắc đối xử quy định tại Điều 3 Hiệp định này.

2. Các biện pháp không phân biệt đối xử được thiết kế và áp dụng để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cộng đồng như sức khỏe, an toàn và môi trường, không bị coi là tước quyền sở hữu gián tiếp.

3. Khoản bồi thường sẽ tương đương với giá thị trường của đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm tước quyền sở hữu hoặc tại thời điểm thông báo việc tước quyền sở hữu. Khoản bồi thường sẽ được thanh toán nhanh chóng và được trả bằng đồng tiền tự do chuyển đổi theo quy định tại Điều 7 Hiệp định này.

4. Trong trường hợp bồi thường bị trì hoãn thanh toán, tiền bồi thường sẽ bao gồm tiền lãi tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán theo lãi suất do hai bên thỏa thuận trừ trường hợp lãi suất được pháp luật nước đó quy định.

5. Mặc dù có quy định tại các khoản 1, 2 và 3 nói trên, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai sẽ thực hiện theo pháp luật của Bên ký kết tước quyền sở hữu liên quan đến điều kiện và khoản tiền bồi thường cho việc tước quyền sở hữu.

ĐIỀU 6

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Trong trường hợp đầu tư của nhà đầu tư một Bên ký kết bị thiệt hại do chiến tranh, bạo loạn, nổi loạn, hoặc tình trạng tương tự khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên ký kết kia dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà bên đó dành cho nhà đầu tư nước mình hoặc dành cho nhà đầu tư của bất cứ nước thứ ba nào tùy thuộc vào sự đối xử nào, liên quan đến các biện pháp mà nước đó áp dụng đối với các thiệt hại này, có lợi nhất đối với nhà đầu tư.

ĐIỀU 7

CHUYỂN TIỀN

1. Sau khi hoàn thành tất cả các nghĩa vụ về thuế, mỗi Bên ký kết sẽ cho phép một cách có thiện chí mọi khoản tiền liên quan tới đầu tư được chuyển một cách tự do và nhanh chóng ra hoặc vào lãnh thổ Bên ký kết đó. Việc chuyển tiền này bao gồm:

- a) lợi nhuận,
- b) tiền thu được từ việc bán hoặc thanh lý một phần hoặc toàn bộ đầu tư,
- c) tiền bồi thường theo Điều 5,
- d) tiền trả cho các khoản vay và tiền trả lãi phát sinh từ các khoản vay liên quan tới đầu tư,
- e) lương, tiền công và các tiền thù lao trả cho công dân của một Bên ký kết đã được cấp giấy phép lao động tương ứng liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia,
- f) tiền bồi thường phát sinh từ tranh chấp đầu tư.

2. Việc chuyển tiền được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi mà khoản đầu tư đã được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi đó; hoặc bằng bất kỳ đồng tiền tự do chuyển đổi nào theo tỷ giá tính có hiệu lực tại thời điểm chuyển tiền, trừ trường hợp nhà đầu tư và Bên ký kết tiếp nhận đầu tư có thỏa thuận khác.

3. Khoản 1 và 2 ở trên không ảnh hưởng tới việc áp dụng một cách công bằng và không phân biệt đối xử pháp luật của một Bên ký kết liên quan tới phá sản và mất khả năng thanh toán, và đảm bảo thực hiện đầy đủ các phán quyết trong quá trình tố tụng tư pháp và tố tụng hành chính.

ĐIỀU 8

THẾ QUYỀN

1. Nếu đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết được bảo hiểm tránh rủi ro phi thương mại theo pháp luật thì việc thế quyền của bên bảo hiểm xuất phát từ các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm giữa nhà đầu tư và bên bảo hiểm sẽ được Bên ký kết kia công nhận.

2. Bên bảo hiểm, thông qua việc thế quyền, được thực hiện các quyền và thực thi các yêu cầu của nhà đầu tư và đảm nhận tất cả các nghĩa vụ liên quan tới đầu tư. Các quyền và quyền đòi tiền được chuyển giao thông qua việc thế quyền không được vượt quá quyền hay quyền đòi tiền ban đầu của nhà đầu tư.

3. Tranh chấp giữa một Bên ký kết và bên bảo hiểm sẽ được giải quyết theo các quy định tại Điều 9 của Hiệp định này. Khi bên bảo hiểm thanh toán cho nhà đầu tư và tiếp quản các quyền và yêu cầu của nhà đầu tư, nhà đầu tư sẽ không được sử dụng các quyền và yêu cầu đó để chống lại Bên ký kết đó.

ĐIỀU 9

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia, phát sinh trực tiếp từ một khoản đầu tư, và liên quan đến việc nghi ngờ vi phạm các nghĩa vụ của Bên ký kết kia theo Hiệp định này, mà gây thiệt hại cho khoản đầu tư đầu tư đó sẽ được cố gắng giải quyết thông qua tham vấn và thương lượng có thiện chí giữa nhà đầu tư và Bên ký kết liên quan. Với mục đích đó, nhà đầu tư sẽ gửi cho Bên ký kết tiếp nhận đầu tư thông báo bằng văn bản về yêu cầu thương lượng bao gồm thông tin chi tiết.

2. Nếu những tranh chấp này không thể giải quyết theo cách trên trong vòng 6 tháng tính từ thời điểm gửi thông báo bằng văn bản nêu tại khoản 1, nhà đầu tư có thể lựa chọn đưa tranh chấp ra:

a) Tòa án có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đầu tư được tiến hành,

b) Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (“Trung tâm”) được thành lập theo Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác (“Công ước”) với điều kiện hai Bên ký kết đều là thành viên của Công ước này,

c) Cơ chế phụ trợ của Trung tâm nếu chỉ một Bên ký kết là thành viên của Công ước; hoặc

d) Trọng tài theo vụ việc, trừ trường hợp các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, được thành lập theo các Quy tắc trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế (UNCITRAL).

3. Một khi nhà đầu tư đã đưa vụ tranh chấp ra giải quyết theo bất kỳ thủ tục nào được quy định tại khoản 2 Điều này, thì sự lựa chọn đó là cuối cùng.

4. Hội đồng trọng tài ra quyết định phù hợp với các quy định của Hiệp định này, pháp luật của Bên ký kết tham gia tranh chấp mà đầu tư được tiến hành trên lãnh thổ của Bên đó (bao gồm cả các nguyên tắc về xung đột pháp luật) và các nguyên tắc có liên quan của luật pháp quốc tế được cả hai Bên ký kết chấp nhận.

5. Mặc dù có các quy định tại khoản 2 của Điều này,

a) Chỉ những tranh chấp phát sinh trực tiếp từ hoạt động đầu tư đã được sự cho phép cần thiết, nếu có, theo pháp luật hiện hành về vốn nước ngoài của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư và đã thực sự bắt đầu hoạt động đầu tư mới có thể thuộc quyền tài phán của Trung tâm Trọng tài quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) hoặc bất cứ cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế nào được các Bên ký kết thỏa thuận theo khoản 2 của Điều này;

b) các tranh chấp liên quan tới bất động sản hoặc các quyền liên quan tới bất động sản sẽ hoàn toàn thuộc quyền tài phán của tòa án của Bên ký kết nơi tiếp nhận đầu tư, do vậy các tranh chấp này sẽ không được đưa ra giải quyết tại Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) hay bất cứ cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế nào khác; và

c) Liên quan tới Điều 64 của “Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác”:

Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không cho phép đưa bất cứ tranh chấp nào phát sinh giữa Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ và Bên ký kết nào liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng của “Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác”, mà đã không được giải quyết thông qua thương lượng, ra giải quyết tại Tòa án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc.

6. Quyết định của trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết có trách nhiệm tự mình thi hành phán quyết đó phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết đó.

ĐIỀU 10

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Các Bên ký kết phải có thiện chí và cùng hợp tác tìm ra giải pháp nhanh chóng và công bằng cho bất cứ tranh chấp nào giữa hai bên liên quan tới giải thích và áp dụng Hiệp định này. Liên quan tới vấn đề này, các Bên ký kết đồng ý tham dự một cách trực tiếp và tích cực các phiên đàm phán để đi tới giải pháp. Nếu các Bên ký kết không đạt được thỏa thuận trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày tranh chấp giữa hai bên bắt đầu được đưa ra giải quyết theo thủ tục nêu trên, mỗi Bên ký kết có thể đưa tranh chấp ra Hội đồng trọng tài gồm 3 thành viên.

2. Trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài. Hai trọng tài này sẽ chọn ra một trọng tài thứ ba, là công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch hội đồng trọng tài. Trong trường hợp một Bên ký kết không chỉ định được trọng tài trong thời hạn nêu trên, Bên ký kết kia có thể mời Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc tiến hành các chỉ định.

3. Trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày được chỉ định, nếu hai trọng tài không thể thỏa thuận về việc lựa chọn Chủ tịch, mỗi bên có thể yêu cầu Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc chỉ định Chủ tịch tòa trọng tài.

4. Trong trường hợp nêu tại khoản 2 và 3 của Điều này, nếu Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không được thực hiện chức năng này hoặc là công dân của một Bên ký kết, Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc sẽ tiến hành các chỉ định nói trên, nếu Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không được thực hiện chức năng này hoặc là công dân của một Bên ký kết, thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ tiến hành các chỉ định.

5. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày chọn Chủ tịch, Hội đồng trọng tài sẽ thỏa thuận về các quy định về thủ tục theo các quy định tại Hiệp định này. Trong trường hợp không thỏa thuận được, hội đồng trọng tài sẽ yêu cầu Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc chỉ định quy định về thủ tục, có tính đến các nguyên tắc được công nhận rộng rãi của thủ tục trọng tài quốc tế.

6. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, trong vòng tám (8) tháng kể từ ngày chọn được Chủ tịch, tất cả các đề trình sẽ được đưa ra và các phiên điều trần sẽ được hoàn tất, và hội đồng trọng tài sẽ đưa ra quyết định của mình trong vòng hai (2) tháng sau khi bản đề trình cuối cùng được đưa ra hoặc ngày kết thúc điều trần, tùy thuộc việc nào diễn ra sau. Hội đồng trọng tài đưa ra quyết định của mình thông qua bỏ phiếu đa số, quyết định đó là chung thẩm và ràng buộc các bên.

7. Chi phí cho Chủ tịch, các trọng tài khác cũng như các chi phí khác trong thủ tục trọng tài do mỗi Bên ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên hội đồng trọng tài có thể quyết định một trong hai Bên ký kết sẽ phải chịu phần chi phí cao hơn.

8. Tranh chấp sẽ không được đưa ra tòa trọng tài quốc tế theo quy định tại Điều này, nếu tranh chấp đó đã được đưa ra một tòa trọng tài quốc tế khác theo quy định tại Điều 9 và đang trong quá trình xử lý. Việc này sẽ không cản trở việc tham gia thương lượng trực tiếp và có ý nghĩa giữa hai Bên ký kết.

ĐIỀU 11

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho đầu tư trên lãnh thổ của một Bên ký kết, được thực hiện phù hợp với pháp luật của Bên đó, do nhà đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực. Tuy nhiên, Hiệp định này không áp dụng cho các tranh chấp phát sinh trước khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 12

HIỆU LỰC CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên ký kết bằng văn bản thông qua các kênh ngoại giao, thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong vòng mười (10) năm và sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ trường hợp chấm dứt theo khoản 2 của Điều này.

2. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng cách thông báo bằng văn bản trước 1 năm cho Bên ký kết kia vào thời điểm kết thúc giai đoạn mười (10) năm đầu tiên hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi khi có thỏa thuận bằng văn bản của các Bên ký kết tại bất kỳ thời điểm nào. Sửa đổi sẽ có hiệu lực theo cùng thủ tục pháp lý quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Liên quan đến các khoản đầu tư đã được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này và thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này, các quy định của tất cả các Điều khoản khác của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Ankara, ngày 15 tháng 01 năm 2014 thành hai bản bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau.

Trong trường hợp có sự khác nhau về giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Nihat Zeybekci

Bộ trưởng Bộ Kinh tế

Vũ Huy Hoàng

Bộ trưởng Bộ Công Thương